

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HC-PT

Ngày: 25 – 4 – 2019

*“V/v khiếu kiện yêu cầu hủy quyết
định hành chính và bồi thường thiệt
hại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Cảnh.

Bà Đinh Thị Như Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 02/2019/TLPT-HC ngày 28 tháng 01 năm 2019 về khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính và bồi thường thiệt hại.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa hành chính phúc thẩm số: 22/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn H.

Địa chỉ: Thôn 3, thị trấn PH, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Người bị kiện:*

- Ủy ban nhân dân xã HP, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ trụ sở: Xã HP, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn N– Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP. Có mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP: Ông Lê Văn N. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị H.

Địa chỉ: Thôn 3, thị trấn PH, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H trình bày:

Tháng 11/2016, ông H xây dựng 01 gian nhà cấp 4 (diện tích 5x18m) mái lợp tôn, tường gạch, nền lát gạch men; 02 gian nhà kho (diện tích 5x18m) mái lợp tôn, tường gạch, nền láng xi măng; 01 chuồng gà (diện tích 7x14m) mái lợp tôn, tường lưới cước; 01 bể nước rộng 14m, dài 17m, cao 1,5m xây bằng gạch. Toàn bộ công trình này được xây dựng trong diện tích 22,736m² đã được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 328907 ngày 16/9/2014 cho ông. Ông H xây dựng nhà để ở và nhà kho trên đất nông nghiệp, ông hiểu đất nông nghiệp thì không được xây dựng và biết việc xây dựng không xin phép xây dựng là sai, nhưng theo ông H thì tùy từng địa pH thì vẫn được xây nhà để ở làm rẫy, chứa nông sản và chăn nuôi, vì đã làm nông nghiệp thì phải có pH tiện, ông xây bể nước để phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, chăn nuôi để phục vụ kinh tế gia đình. Mặt khác, do nhu cầu về chỗ ở và chứa hàng nông sản của gia đình nên cần thiết phải xây dựng. Việc làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất thổ cư phải mất nhiều thời gian và thủ tục quá phức tạp nên ông đã tự xây dựng thêm một căn nhà ở và nhà kho để gia đình thuận tiện cho việc trông coi tài sản và chăm sóc vườn. Ngoài ra, ông cũng thấy xung quanh có nhiều hộ gia đình khác xây dựng nhà ở trông coi vườn rẫy, sau đó mới làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng nhà ở sau.

Ngày 19/01/2017, xã HP có công an, địa chính, thôn vào kiểm tra và lập biên bản cho rằng gia đình ông vi phạm và sau đó xã làm các thủ tục yêu cầu ngừng thi công, đình chỉ công trình xây dựng, xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế tháo dỡ công trình của gia đình ông. Trong quá trình xã thực hiện thì có biên bản ông đồng ý ký, có biên bản ông không đồng ý nên ông không ký. Những tài sản máy móc không thuộc về kết cấu xây dựng gắn liền với đất thì gia đình ông đã nhận lại khi Ban cưỡng chế đến cưỡng chế. Ban cưỡng chế đã phá dỡ của ông 01 gian nhà cấp 4 (diện tích 5x18m) mái lợp tôn, tường gạch, nền lát gạch men; và 02 gian nhà kho (diện tích 5x18m) mái lợp tôn, tường gạch, nền láng xi măng; 01 chuồng gà (diện tích 7x14m) mái lợp tôn, tường lưới cước; 01 bể nước rộng 14m, dài 17m, cao 1,5m xây bằng gạch. Còn những tài sản không thuộc diện cưỡng chế thì ông đã được nhận lại hết. Biên bản cưỡng chế ngày 16/3/2017, ông không nhận được và ông cũng không ký tên. Về thiệt hại 650.000.000 đồng ông yêu cầu Ủy ban nhân dân xã HP phải bồi thường thì ông không có hóa đơn đầy đủ vì ông đi mua trả tiền không lấy hóa đơn, các thiệt hại của ông gồm có: thiệt hại về căn nhà ở là 250.000.000 đồng, thiệt hại về 02 nhà kho là 250.000.000 đồng, thiệt hại về bể nước là 120.000.000 đồng, thiệt hại về chăn nuôi là 30.000.000 đồng do khi ban cưỡng chế đến tháo chuồng gà thì gà chạy hết ra vườn nên ông không quản lý được, không biết là bao nhiêu con bị chạy ra vườn; về nhà cửa và bể nước là chi phí xây dựng thực tế ông không có hóa đơn chứng từ. Tài sản thiệt hại là tài sản chung của vợ chồng ông, vợ chồng ông thu nhập chính từ việc làm nông. Sau khi chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP ra quyết định xử

phạt vi phạm hành chính thì ông không chấp hành, vì ông không đồng ý với quyết định của chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 và Quyết định số 15/QĐ-CC ngày 13/3/2017 của Chủ tịch UBND xã HP, huyện CP; yêu cầu bồi thường thiệt hại cho gia đình ông tổng số tiền là 650.000.000 đồng.

Tại bản tự khai và các lời khai khác có tại hồ sơ, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện ông Lê Văn N– Chủ tịch UBND xã HP trình bày:

Ngày 18/01/2017, Ủy ban nhân dân xã HP nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc ông Nguyễn Văn H thường trú tại thôn 3, thị trấn PH đang xây dựng công trình nhà ở trên đất nông nghiệp tại thôn 2, xã HP, huyện CP. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP đã cùng công chức Địa chính –Xây dựng và các bộ phận có liên quan phối hợp với thôn trưởng thôn 2, xã HP xuống kiểm tra thực tế. Qua kiểm tra phát hiện ông Nguyễn Văn H đang xây dựng công trình trên đất nông nghiệp quy mô $15m \times 19m = 285m^2$, tường xây gạch cao 3,8m, tường đã tô xong, xà gồ đã đặt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo công chức Địa chính –Xây dựng lập biên bản làm việc (ông H có ký biên bản làm việc) và biên bản ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng (ông H không ký biên bản) đồng thời mời ông H về trụ sở UBND xã vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 19/01/2017 để giải quyết vụ việc và hướng dẫn ông thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông H không đến trụ sở UBND xã để giải quyết vụ việc như đã mời.

Ngày 19/01/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP đã ban hành quyết định số 02/QĐ-UBND về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng (bản giao đến tận tay ông H vào lúc 11 giờ 40 phút ngày 20/01/2017). Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP đã cử cán bộ mời ông H về trụ sở Ủy ban nhân dân xã để làm việc vào ngày 10/02/2017 để tuyên truyền, vận động, giải thích theo các quy định của Luật đất đai, Luật xây dựng để ông H hiểu rõ và chấp hành, đồng thời yêu cầu ông dừng ngay mọi hoạt động xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp vi phạm trật tự xây dựng đồng thời tự nguyện tháo dỡ công trình vi phạm, nếu cố tình sẽ bị xử lý nghiêm theo các quy định của pháp luật (ông H có ký vào biên bản).

Ngày 14/02/2017, tổ kiểm tra trật tự xây dựng và quản lý sử dụng đất trên địa bàn xã phát hiện ông H tiếp tục xây dựng công trình bề nước diện tích $17m \times 14m = 238m^2$, tường xây gạch cao 1,5m, đã tô xong, mái che diện tích $6,5m \times 14m = 91m^2$. Tổ đã lập biên bản làm việc và biên bản ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng (Ông H không ký biên bản). Ủy ban nhân dân xã đã mời ông Nguyễn Văn H về trụ sở Ủy ban nhân dân xã làm việc đồng thời tuyên truyền, vận động, phân tích, giải thích những việc làm của ông là vi phạm Luật đất đai, Luật xây dựng yêu cầu ông tự nguyện tháo dỡ công trình vi phạm trả lại hiện trạng ban đầu, nếu cố tình vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định

của pháp luật, đồng thời xuống hiện trường lập biên bản vi phạm hành chính về vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (ông H không ký biên bản) đồng thời yêu cầu ông làm đơn giải trình gửi cho Ủy ban nhân dân xã.

Ngày 23/02/2017, Tổ kiểm tra trật tự xây dựng và quản lý sử dụng đất có báo cáo số 03/BC-TKTTXD về việc xác minh hộ ông Nguyễn Văn H và đề nghị Chủ tịch UBND xã cưỡng chế công trình vi phạm để lập lại kỷ cương và công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng trên địa bàn xã .

Ngày 24/02/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP đã ký ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966. Phạt chính: phạt tiền 1.500.000 đồng; biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tháo dỡ công trình trả lại hiện trạng của đất như trước khi vi phạm. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đã giao đến tận tay ông H vào ngày 25/02/2017 nhưng ông H không chấp hành.

Ngày 28/02/2017, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP đã ban hành thông báo số 04/TB-UBND về việc tháo dỡ công trình xây dựng trên đất nông nghiệp (lần 1), bàn giao trực tiếp cho ông H vào lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày. Đồng thời mời ông H về trụ sở Ủy ban nhân dân xã để làm việc, qua buổi làm việc ông H cũng nhận thấy việc làm của mình là xây dựng các công trình trên đất nông nghiệp là sai và yêu cầu nếu xử lý hộ nhà ông thì phải xử lý các hộ sống trong gần xung quanh khu vực nhà ông ở. Ủy ban nhân dân xã đã yêu cầu ông H nộp phạt và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất nông nghiệp trả lại hiện trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm, nếu cố tình sẽ bị cưỡng chế theo quy định của pháp luật, nhưng sau đó ông H vẫn không thực hiện.

Ngày 06/03/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP đã tiếp tục ban hành thông báo số 06/TB-UBND thông báo tháo dỡ công trình xây dựng trên đất nông nghiệp lần 2 (giao trực tiếp đến tận tay ông H vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 07/03/2017) vì lý do đã quá thời gian nộp phạt và khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra, sau đó ông H vẫn không tự nguyện thực hiện.

Ngày 13/3/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP đã ban hành Quyết định số 15/QĐ-CC về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ngày 16/3/2017, ban cưỡng chế đã tiến hành cưỡng chế tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp của ông Nguyễn Văn H. Sau khi cưỡng chế thì những tài sản mà đoàn cưỡng chế đã thu giữ đã làm các thủ tục bán đấu giá tài sản để tịch thu tiền nộp phạt và chi phí cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm. Còn lại các tài sản khác là những vật dụng trong gia đình và gia cần đã trao trả cho ông Nguyễn Văn H.

Như vậy theo các quy định của pháp luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP đã xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng trình tự, thủ tục theo pháp luật quy định.

Nay ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án Hủy quyết định hành chính số 13/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 và Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 13/3/2017; yêu cầu Ủy ban nhân dân xã HP phải bồi thường thiệt hại tổng số tiền 650.000.000 đồng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban nhân dân xã HP không đồng ý.

Các lời khai có tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Phạm Thị H trình bày:

Bà H là vợ của ông Nguyễn Văn H, về tài sản gia đình bà bị Ủy ban nhân dân xã HP cưỡng chế tháo dỡ là tài sản chung của vợ chồng bà. Bà H nhất trí với lời trình bày của ông H.

Tại bản án hành chính số 02/2018/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 3; khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 21; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 66; các Điều 58, 68, 86, 87, 88 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; khoản 3 Điều 12; Điều 57; Điều 108 Luật đất đai 2013;

Căn cứ vào Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ vào Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ; căn cứ vào mục 3, mục 5 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 “về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” và Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 “Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Văn H đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/12/2018, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CP hoặc xử hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 24/2/2017 và Quyết định số 15/QĐ-CC ngày 13/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP, buộc Ủy ban nhân dân xã HP bồi thường thiệt hại cho gia đình ông số tiền 650.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là ông H giữ nguyên kháng cáo; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm, người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện: Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 “về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” (sau đây ghi tắt là Quyết định số 13/QĐ-UBND) và Quyết định số 15/QĐ-CC ngày 13/3/2017 “Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” (sau đây ghi tắt là Quyết định số 15/QĐ-CC) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP, huyện CP là các quyết định được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP ban hành theo thẩm quyền luật định. Nội dung các quyết định này là xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai nên các quyết định này là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, Quyết định số 13/QĐ-UBND “về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP, huyện CP ban hành vào ngày 24/02/2017 đến ngày 25/2/2017 thì ông H được nhận quyết định này; Quyết định số 15/QĐ-CC “Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP, huyện CP ban hành vào ngày 13/3/2017 và cùng ngày 13/3/2017 ông H được nhận quyết định này, tính đến ngày ông H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì thời hiệu khởi kiện đối với hai quyết định này thì vẫn còn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết khiếu kiện: Theo quy định tại Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật tổ tụng hành chính thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CP, việc Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Về thẩm quyền ban hành:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP, huyện CP ban hành quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Luật đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 31 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP, huyện CP ban hành quyết định số 15/QĐ-CC ngày 13/3/2017 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 86 và 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Đối với nội dung kháng cáo của ông H về việc cho rằng, thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ nhà ở theo quy định tại Điều 95 của Luật nhà ở năm 2014 đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 92 của Luật nhà ở năm 2014 (Nhà ở xây dựng trong khu vực cấm xây dựng hoặc xây dựng trên đất không phải là đất ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt) là thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chứ không phải của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thấy rằng: Quyết định số 15/QĐ-CC ngày 13/3/2017 của Chủ tịch UBND xã HP là quyết định được ban hành với mục đích là buộc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-UBND ngày 24/2/2017 của Chủ tịch UBND xã HP, lý do của việc ban hành quyết định cưỡng chế là do ông H không tự nguyện thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính số 13/QĐ-UBND ngày 24/02/2017. Theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền "... d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 28 của Luật này."

Các biện pháp khắc phục hậu quả tại Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính bao gồm:

"a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

b) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;..."

Điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định "Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có quyền ra quyết định cưỡng chế".

Như vậy, căn cứ theo các quy định dẫn chiếu nêu trên của Luật xử lý vi phạm hành chính và quy định tại khoản 1 Điều 31 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền ban hành quyết định cưỡng chế thi hành với các hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai do mình ra quyết định.

Hơn nữa, tại Điều 2 của Luật nhà ở quy định về đối tượng áp dụng: "Luật này áp dụng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến sở hữu, phát triển, quản lý, sử dụng, giao dịch về nhà ở và quản lý nhà nước về nhà ở tại Việt Nam" chứ không phải là dùng để áp dụng, điều chỉnh đối với quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý đất đai. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai số 15/QĐ-CC ngày 13/3/2017 là đúng thẩm quyền nên nội dung kháng cáo này của ông H là không có căn cứ.

Về trình tự, thủ tục ban hành:

Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính của ông H thì Ủy ban nhân dân xã HP và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP đã đình chỉ thi công, lập biên bản vi phạm hành chính, tiến hành xác minh vi phạm hành chính và yêu cầu giải trình, xem xét giải trình và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 13/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 61, Điều 66, 67 và Điều 68 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Quyết định số 15/QĐ-CC ngày 13/3/2017, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ và Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[2.2] Về nội dung:

Đối với Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND xã HP, xét thấy: Tại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 328907 được Ủy ban nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị H ngày 16/9/2014 tại thửa đất số 101, tờ bản đồ số 30, diện tích 22.736m² tại thôn 2, xã HP, huyện CP, tỉnh Gia Lai; mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng đất đến hết tháng 12/2055; nhà ở: Không; Công trình xây dựng khác: Không. Việc ông H tự ý xây dựng nhà ở, nhà kho, bể nước trên đất nông nghiệp là hành vi sử dụng không đúng mục đích sử dụng đất, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 12, Điều 57 Luật đất đai 2013 và là hành vi vi phạm hành chính chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng (đất trồng cây lâu năm) sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Vì vậy, việc chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-UBND ngày 24/2/2017 đối với ông H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cho rằng theo quy định tại Điều 10 của Luật đất đai thì trên đất nông nghiệp, ông vẫn được phép xây dựng các công trình phục vụ cho sản xuất nông nghiệp thì Hội đồng xét xử thấy rằng, đất ông H và bà H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm, không phải là đất nông nghiệp khác theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 10 của Luật đất đai năm 2013, vì vậy nội dung kháng cáo này của ông H là không có cơ sở.

Đối với Quyết định số 15/QĐ-CC ngày 13/3/2017: Theo quy định tại Điều 73 Luật xử lý vi phạm hành chính thì cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải thi hành quyết định xử phạt trong thời hạn ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 đối với ông H có nêu rõ trong thời hạn 10 ngày kể từ

ngày nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nếu ông không tự nguyện chấp hành việc nộp phạt và biện pháp khắc phục hậu quả sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn mà ông H không thực hiện việc nộp phạt và thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả như đã nêu trong Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 24/02/2017, nên ngày 13/3/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP, huyện CP đã ban hành Quyết định số 15/QĐ-CC “Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” đối với ông H là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 13/QĐ-UBND ngày 24/2/2017 và quyết định cưỡng chế số 15/QĐ-CC ngày 13/3/2017 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và nội dung. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đối với việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm hoặc xử hủy 02 quyết định hành chính nêu trên.

[2.3] Đối với kháng cáo yêu cầu Ủy ban nhân dân xã HP bồi thường thiệt hại số tiền 650.000.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Như đã nhận định nêu trên, các Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 và Quyết định số 15/QĐ-CC ngày 13/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP, huyện CP được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và nội dung đúng theo quy định của pháp luật; việc tổ chức cưỡng chế thi hành đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật nên không làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do các quyết định hành chính nêu trên gây ra. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông H.

[3] Vì những đánh giá và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án, giải quyết nội dung vụ án đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm còn vi phạm như sau: Đối với yêu cầu khởi kiện Tòa án hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 và Quyết định số 15/QĐ-CC ngày 13/3/2017 của chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP, Tòa án cấp sơ thẩm xác định người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP là đúng quy định của pháp.

Đối với yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân xã HP bồi thường thiệt hại số tiền là 650.000.000 đồng, người bị kiện trong trường hợp này không phải là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP mà phải là Ủy ban nhân dân xã HP. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP là người bị kiện đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại là xác định sai người bị kiện. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP là ông Lê Văn Đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã HP là người trực tiếp tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện, có ý kiến

trình bày không đồng ý với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của người khởi kiện. Việc xác định sai người bị kiện của Tòa án cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc giải quyết nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm mà sẽ sửa lại cho đúng và chỉ ra sai sót để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm khi giải quyết, xét xử các vụ án khác.

[5] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 3, Điều 7, Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 38; các Điều 55, 58, 59, 61, 66, 67, 68, 86, 87, 88 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 6; khoản 3 Điều 12; Điều 57; Điều 208 Luật đất đai 2013;

Căn cứ vào Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ vào Điều 8, khoản 1 Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ; Căn cứ vào mục 3, mục 5 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 “về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” và Quyết định số 15/QĐ-CC ngày 13/3/2017 “Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HP, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 650.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn H đối với Ủy ban nhân dân xã HP, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 30.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số

0002393 ngày 08/1/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh Gia Lai. Ông Nguyễn Văn H phải tiếp tục nộp 30.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[2] Án phí hành chính phúc thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002584 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh Gia Lai; Ông H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- TAND huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- UBND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện CP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Nguyễn Thị Xuân Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Như Phượng

Trần Văn Cảnh

Nguyễn Thị Xuân H

